

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2023

“Về tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Trần Văn Nhị.

2- Ông Nguyễn Hồng Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 86/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Bị đơn: Bà Phạm Thị Lệ B, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

(Bà B và ông T đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07-3-2023, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông T và bà B kết hôn vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 23-6-2004. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống, bà B không chăm lo

cho gia đình, vợ chồng không sống chung đã 05 năm không đoàn tụ được. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà B. Về con chung, ông T và bà B có 02 con tên Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 22-12-1991 (đã trưởng thành) và Nguyễn Phạm Thiên L, sinh ngày 10-01-2009 đang sống chung với ông T. Khi ly hôn ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chưa thành niên, không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề ngày 05 tháng 4 năm 2023, bị đơn là bà Phạm Thị Lệ B trình bày: Bà B và ông T sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông T không tôn trọng vợ và gia đình bên vợ, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra thường xuyên. Nay bà B cũng xin được ly hôn với ông T. Về con chung, tài sản chung bà B không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã mở phiên hòa giải nhưng bà B không tham gia và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phạm Thị Lệ B nên xác định tranh chấp giữa ông T và bà B là tranh chấp về ly hôn. Căn cứ theo Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm. Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, do đó Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo lời trình bày của các đương sự và tài liệu đã thu thập xác định hôn nhân giữa ông T và bà B là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 23-6-2004. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn ngày càng lớn nên từ năm 2019 đến nay vợ chồng không sống chung, vợ chồng không quan tâm giúp đỡ nhau, tình cảm vợ chồng không còn, nay ông T và bà B đều yêu cầu được ly hôn. Như vậy hôn nhân giữa ông T và bà B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, cho ông T được ly hôn với bà B.

[3] Về nuôi con chung chưa thành niên: Ông T và bà B có 02 con tên Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 22-12-1991 (đã trưởng thành) và Nguyễn Phạm

Thiên Long, sinh ngày 10-01-2009 đang sống chung với ông T. Khi ly hôn ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chưa thành niên, bà B không phản đối, do đó giao con chưa thành niên tên là Nguyễn Phạm Thiên L cho ông T trực tiếp nuôi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên ông T đã từ chối việc cấp dưỡng nuôi con của bà B, do đó không buộc bà B phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì ông T phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều: 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với bà Phạm Thị Lệ B.

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Phạm Thị Lệ B.

Về nuôi con chưa thành niên: Giao ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi 01 con chung tên Nguyễn Phạm Thiên L, sinh ngày 10-01-2009. Bà Phạm Thị Lệ B không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng được quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải phải chịu 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0003811 ngày 03-4-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa. Ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí.

3- Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- UBND xã Nhị Thành;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Quốc Tiến